

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-PT

Ngày 24 - 02 - 2023

*“V/v tranh chấp về đòi lại
quyền sử dụng đất cho mượn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử Phc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ph

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Hải M

Bà Trần Thị Mỹ H

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc M - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử Phc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về đòi lại quyền sử dụng đất cho mượn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân C, tỉnh Nghệ An, bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử Phc thẩm số 37/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Cảnh Ch, sinh năm 1950; nơi cư trú: Xóm Sào Nam, xã Xuân H, huyện Nam Đàn, Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ch: Bà Nguyễn Thị T M – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Trần Quang Th, sinh năm 1967; nơi cư trú: Xóm Sào Nam, xã Xuân H, huyện Nam Đàn, Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

1. Bà Lê Thị V, sinh năm 1959 (Vợ ông Ch), vắng mặt; Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị V: Ông Nguyễn Cảnh Ch, sinh năm 1950; Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 (Vợ ông Th). Có mặt.

Cùng cư trú tại: Xóm Sào Nam, xã Xuân H, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

3. UBND xã C, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn C - Chức vụ: Công chức địa chính xã Xuân H. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh Ch và bị đơn ông Trần

Quang Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2021, các lời khai, H giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Cảnh Ch; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị V (vợ ông Ch) thống nhất trình bày:

Năm 1989, Hợp tác xã Sào Nam giao cho gia đình ông Ch diện tích 14 thước (Những người trực tiếp đo và giao đất, gồm: Ông Nguyễn Văn Ph là cán bộ đội sản xuất, ông Võ Văn V - Cán bộ kế hoạch HTX (đã Cht), ông Trần Hồng Kh – Hiện nay là Bí thư Đảng ủy xã Xuân H), khi giao đất có bàn giao thực địa. Gia đình ông Ch làm nhà sinh sống và canh tác trên thửa đất từ năm 1989 đến năm 1993 thì chuyển đi ở chỗ khác, nhưng trên thửa đất đó vẫn trồng cây và nộp thuế đầy đủ. Đến năm 2014, ông Ch cho gia đình ông Trần Quang Th và bà Nguyễn Thị T mượn để canh tác, việc cho mượn đất chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ gì. Năm 2020, ông Ch đến đòi lại đất thì vợ chồng ông Th, bà T không chịu trả. Vì vậy, ông Ch, bà V yêu cầu ông Trần Quang Th, bà Nguyễn Thị T trả lại phần diện tích đất đã mượn thuộc thửa đất số 851, tờ bản đồ 07 (bản đồ 299), diện tích 14 thước tại xóm Sào Nam, xã Xuân H, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An và tháo dỡ phần hàng rào ông Th, bà T đã xây dựng trên phần đất.

Ông Trần Quang Th, bà Nguyễn Thị T (vợ ông Th) thống nhất trình bày:

Năm 1985, thực hiện việc mở đường giao thông nông thôn, sau khi mở đường thì phần đất của gia đình ông Nguyễn Cảnh L và bà Lê Thị Ch (02 ông bà hiện nay đã Cht, ông L, bà Ch có 02 người con gái là Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị B) bị chia tách thành 02 phần (đường đi qua đất ông L, bà Ch); phần phía Đông hiện nay vợ chồng bà B đang ở; Phía Tây (đất trống) tiếp giáp với gia đình ông, bà Ch cho ông sử dụng từ trước đến nay. Năm 1992, ông Th xây bờ rào bao quanh vườn của mình (thửa 834 bản đồ 299, nay là thửa 1914, tờ bản đồ số 14); trước khi xây, ông Th có thông báo cho các hộ liền kề và Ban cán sự xóm để xác định thống nhất ranh giới (có cả ông Nguyễn Cảnh Ch). Khi xây bờ tường giáp ranh với đất mà ông Ch đang sử dụng, ông Ch đồng ý cho ông Th xây lên một phần đất của ông Ch để tường rào được thẳng hàng và đất ông Ch cũng được vuông vắn.

Từ năm 1985 đến nay, phần diện tích đất này gia đình ông Th vẫn canh tác, trồng hoa màu, xây chuồng nuôi hươu, chuồng bò, chuồng dê... Ngoài ra, trên phần đất này còn có một số cây L năm như mít, cây giới, xoan dâu...

Vì vậy, ông Th, bà T không đồng ý, vì phần diện tích này ông Ch đã cho và gia đình ông Th đã sử dụng ổn định trên 30 năm.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Xuân H:

- Về nguồn gốc đất: Ông Nguyễn Cảnh Ch được giao đất không thu tiền sử dụng thửa đất số 851, tờ bản đồ số 07 năm 1989.

- Về quá trình sử dụng đất: Năm 1989, sau khi được giao đất ông Nguyễn Cảnh Ch đã làm nhà và sinh sống trên thửa đất nêu trên khoảng thời gian 06 tháng.

Sau đó, do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông Nguyễn Cảnh Ch đã về ở trong nhà cha mẹ. Thửa đất nêu trên được ông Ch sử dụng để sản xuất liên tục, ổn định từ đó đến khoảng năm 1995, ông Ch cho anh Th – chủ sử dụng đất liền kề mượn một phần đất để sản xuất. Giữa 02 gia đình không có văn bản, giấy tờ về việc mượn đất.

Theo sổ mục kê, tờ bản đồ số 07 – bản đồ 299, ông Nguyễn Cảnh Ch là chủ sử dụng thửa đất số 851, diện tích 370m². Theo bản đồ đo đạc năm 2019, ông Nguyễn Cảnh Ch sử dụng thửa đất số 1913, diện tích 238,3m². Hiện tại, thửa đất nêu trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Trong số 370m² thuộc thửa số 851 thì có 238,3m² hiện tại ông Nguyễn Cảnh Ch đang sử dụng.

Tại công văn số 190/CV-UBND.ĐC ngày 09/9/2022 của UBND xã Xuân H đã khẳng định: Qua kiểm tra bản đồ địa chính đo đạc năm 2000 và bản đồ địa chính đo đạc năm 2019, bản đồ 299 thì thửa đất số 851, tờ bản đồ số 07 (theo bản đồ 299) bao gồm toàn bộ diện tích của thửa đất số 1913, tờ bản đồ số 14 và một phần diện tích của thửa đất số 1914, tờ bản đồ số 14 (theo đo đạc bản đồ năm 2019). Về hồ sơ kỹ thuật của bản đồ đo đạc năm 2000 thì xã không còn lưu trữ, còn theo bản đồ đo đạc năm 2019 lưu tại xã có phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất chủ sử dụng đất là UBND xã, không có bản mô tả nên không có ký giáp ranh của các chủ sử dụng đất liền kề. Hiện nay, bản đồ để làm căn cứ pháp lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bản đồ địa chính đo đạc năm 2019.

Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Áp dụng các Điều 169, 255, 256, 512, 514, 517 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 166, 170, 179, 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26; 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh Ch.

1. Buộc ông Trần Quang Th và bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho ông Nguyễn Cảnh Ch và bà Lê Thị V 131,7m² diện tích đất, được giới hạn bởi các điểm nối (M3-M4-M7-M8-M3). (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Giao cho ông Nguyễn Cảnh Ch và bà Lê Thị V được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất 131,7m², cụ thể: 01 chuồng nuôi dê, mái lợp Pro Xi măng, xây bao tấp lô có diện tích 9m²; Tường xây tấp lô nghiêng có kích thước: dài 14m x cao trung B 1,6m; Tường xây tấp lô nghiêng có kích thước: dài 9m x cao trung B 1,6m; 06 Cây xoan đầu; 02 Cây bưởi (chưa có quả); 02 cây Mít nhỏ (chưa có quả).

Buộc ông Nguyễn Cảnh Ch và bà Lê Thị V phải thanh toán cho ông Trần Quang Th và bà Nguyễn Thị T số tiền 2.659.000 đồng trị giá tài sản trên phần diện

tích đất phải trả lại cho ông Nguyễn Cảnh Ch.

Ông Trần Quang Th và bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền 2.659.000 đồng từ ông Nguyễn Cảnh Ch và bà Lê Thị V.

2. Tạm giao cho ông Nguyễn Cảnh Ch và bà Lê Thị V được sử dụng toàn bộ diện tích 370m² đất tại thửa đất số 851, tờ bản đồ số 07, bản đồ 299 nay là thửa đất số 1913, tờ bản đồ số 14, bản đồ đo đạc năm 2019, (trong đó có 238,3m² đất ông Ch đang sử dụng và 131,7m² đất ông Th trả lại) được giới hạn bởi các điểm nối (M1-M2-M3-M4-M7-M8-M9-M1) tại xóm Sào Nam, xã Xuân H, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Ông Nguyễn Cảnh Ch và bà Lê Thị V có quyền và nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan quản lý đất đai để thực hiện quyền và nghĩa vụ về đất đai theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; nghĩa vụ của người phải thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2022, ông Nguyễn Cảnh Ch kháng cáo với nội dung, đề nghị Tòa án cấp Phc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao cho vợ chồng ông Ch, bà V được sử dụng toàn bộ thửa đất có tổng diện tích là 470m² (Cấp sơ thẩm giao thiếu 100m²).

Ngày 29/9/2022, ông Trần Quang Th kháng cáo với nội dung: Thửa đất được gia đình ông Th sử dụng ổn định từ trước đến nay và làm nghĩa vụ đối với đất đầy đủ. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp Phc thẩm, xem xét lại vụ án và bác yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh Ch.

Tại phiên tòa Phc thẩm, ông Nguyễn Cảnh Ch và ông Trần Quang Th giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử Phc thẩm và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh Ch và kháng cáo của ông Trần Quang Th; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc thửa đất: Vợ chồng ông Nguyễn Cảnh Ch, bà Lê Thị V sử dụng thửa đất có nguồn gốc thuộc thửa đất số 851, tờ bản đồ số 07 (theo bản đồ 299), nay là thửa đất số 1913, tờ bản đồ số 14, diện tích thực tế hiện là 238,3m² tại xóm Sào Nam, xã Xuân H, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất năm 1989.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh Ch:

Ông Nguyễn Cảnh Ch cho rằng diện tích ông Ch được giao năm 1989 là 14 thước (tương đương 463m²) nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Hơn nữa, ông Nguyễn Văn Ph (nguyên là cán bộ xã Xuân H thời kỳ 1988-1990) ngày 02/8/2022 (BL 143) xác định ông Ph là người trực tiếp giao đất cho ông Ch năm 1989 nhưng ông Ph *không nhớ rõ diện tích và tứ cận bao nhiêu; về tứ cận thửa đất thời điểm đó không giáp với đường xóm, ngõ, mặt ra hướng cùng nhà ông Ch đang ở có một ngõ đi vào thửa đất*. Căn cứ các tài liệu do UBND xã Xuân H cung cấp thì diện tích đất tranh chấp thể hiện như sau: Theo sổ mục kê, thửa đất số 851, tờ bản đồ số 07 (BĐ299) có diện tích 370m²; theo Bản đồ địa chính năm 2000, thửa đất số 1913, tờ bản đồ số 14 có diện tích 230m²; theo bản đồ đo đạc năm 2019, thửa đất số 1913, tờ bản đồ số 14 có diện tích 238,3m². Tại Công văn số 190/CV-UBND.ĐC ngày 09/9/2022 của UBND xã Xuân thể hiện: Qua kiểm tra bản đồ địa chính đo đạc năm 2000 và bản đồ địa chính đo đạc năm 2019, bản đồ 299 thì thửa đất số 851 bao gồm toàn bộ diện tích của thửa đất số 1913, tờ bản đồ số 14 và một phần diện tích của thửa đất số 1914, tờ bản đồ số 14. Tại đơn kháng cáo của ông Ch nộp kèm theo tài liệu là Công văn số 190 nêu trên của UBND xã Xuân H, bản đồ đo đạc thể hiện thửa đất số 1913 có diện tích 431m² và ông Ch cho rằng đây tài liệu thể hiện ông Ch được giao diện tích đất 431m². Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh làm rõ nội dung diện tích đất đang tranh chấp tại UBND xã Xuân H và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai UBND huyện Nam Đàn xác định diện tích thửa đất đang tranh chấp là 370m², còn diện tích giảm so với bản đồ bản đồ 299, đo đạc địa chính năm 2000 và đo đạc bản đồ địa chính năm 2019 là do quá trình dẫn đạc sai. Do đó, căn cứ bản đồ 299, sổ mục kê thì diện tích ông Ch được giao sử dụng là 370m². Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ch cũng không xác định được đã cho ông Th, bà T mượn diện tích đất bao nhiêu và tứ cận như thế nào?.

Bởi vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trần Quang Th, bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho ông Ch, bà V 131,7m² đất thuộc thửa đất số 851, tờ bản đồ số 07 (BĐ299) có diện tích 370m², nay thuộc thửa đất số 1913, tờ bản đồ số 14, tại xóm Sào Nam, xã Xuân H, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An là có căn cứ cần được giữ nguyên.

[3] Xét kháng cáo của ông Trần Quang Th:

Vợ chồng ông Trần Quang Th và bà Nguyễn Thị T thừa nhận, vợ chồng ông Nguyễn Cảnh Ch, bà Lê Thị V sử dụng thửa đất có nguồn gốc thuộc thửa đất số 851, tờ bản đồ số 07 (theo bản đồ 299), tại xóm Sào Nam, xã Xuân H, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An từ năm 1989. Mặc dù, từ năm 1990, gia đình ông Ch không trực tiếp sinh sống trên thửa đất nhưng ông Ch vẫn sử dụng một phần diện tích để sản xuất liên tục, ổn định từ đó đến nay (nay là thửa đất số 1913, tờ bản đồ số 14, diện tích 238,3m²).

Ông Trần Quang Th và bà Nguyễn Thị T cho rằng phần diện tích đất đang tranh chấp là do ông Ch cho ông Th, việc cho đất không có giấy tờ gì mà chỉ nói với nhau bằng miệng và cũng không ai biết việc cho đất. Ông Ch không thừa nhận việc cho đất mà chỉ thừa nhận cho ông Th mượn đất, ông Th cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc ông Ch cho đất. Mặt khác, tại lời khai ngày 25/3/2022 (BL 84, 85), ông Th thừa nhận nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp có một phần diện tích là của ông Ch cho ông Th và khi xây bờ bao phía tiếp giáp đất ông Ch cho, ông Th đã báo với Ban cán sự xóm, ông Ch có biết và không có ý kiến gì nhưng ông Ch không thừa nhận, ông Th cũng không có tài liệu nào chứng minh việc ông Th có báo với Ban cán sự xóm. Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn Ph là hàng xóm của ông Th đều khẳng định không biết việc ông Th xây dựng bờ rào và các công trình trên phần diện tích đang có tranh chấp vào thời gian nào. Hơn nữa, ông Th cho rằng từ trước đến nay ông Th sử dụng ổn định trên 30 năm và đóng thuế đầy đủ theo quy định của Nhà nước. Tại Báo cáo số 16 ngày 20/02/2022 (BL 129) của UBND xã Xuân H xác định phần diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc là thửa đất ông Ch được giao năm 1989 thuộc thửa đất số 851, tờ bản đồ ssoos 07 (nay là thửa đất số 1913, tờ bản đồ số 14) diện tích 370m², sau khi được giao ông Ch sử dụng làm nhà ở một thời gian, sau đó về nhà bố mẹ ở nhưng vẫn sử dụng; còn phần đất liên quan đến tranh chấp không có ai nộp thuế sử dụng đất và hiện tại diện tích đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Tại lời khai ngày 02/8/2022 (BL143) của ông Nguyễn Văn Ph nguyên là đội trưởng đội sản xuất 5B năm 1988-1990 xác định, thời gian 1988-1990, ông Ph và ông Nguyễn Hồng Kh đội trưởng 5A cùng ông Võ Văn V đến giao thửa đất số 851 cho ông Nguyễn Cảnh Ch. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích đất ông Th, bà T đang sử dụng (370m² – 238,3m²) là 131,7m² và buộc ông Th, bà T phải trả lại cho ông Ch, bà V 131,7m² đất thuộc thửa đất số 851, tờ bản đồ 07 (nay là thửa đất số 1913, tờ bản đồ số 14) là có căn cứ, cần được giữ nguyên.

Đối với các loại tài sản trên đất: Căn cứ kết quả thẩm định tại chỗ ngày 30/3/2022 thì tài sản trên phần diện tích đất; 01 chuồng nuôi dê mái lợp proximang, tường xây taplo nghiêng, 06 cây xoan đầu, 02 cây bưởi, 02 cây mít nhỏ, đều của ông Th, bà T xây dựng tạo lập, nếu dỡ phần tài sản này sẽ bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Ch cũng chấp nhận nhận lại các tài sản này và thanh toán phần giá trị theo định giá cho ông Th, bà T. Do đó, bản án sơ thẩm cho ông Ch, bà V sở hữu và ông Ch, bà V phải thanh toán trị giá tài sản số tiền 2.659.000 đồng cho ông Th, bà T là phù hợp.

Từ các nội dung phân tích, đánh giá nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh Ch và kháng cáo của ông Trần Quang Th; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí Phc thẩm: Ông Nguyễn Cảnh Ch thuộc diện người cao tuổi có đơn đề nghị nên được miễn án phí; Ông Trần Quang Th phải chịu án phí dân sự Phc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh Ch và bị đơn ông Trần Quang Th; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí dân sự Phc thẩm:

Miễn án phí dân sự Phc thẩm cho ông Nguyễn Cảnh Ch;

Ông Trần Quang Th phải chịu 300.000 án phí dân sự Phc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Phc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0004762 ngày 10/10/2022.

Bản án Phc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND, TAND huyện Nam Đàn;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Ph